TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2025
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1995 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

CCCD số: 066195026576 do Cục C về trật tự xã hội cấp 22/6/2022;

HKTT: Buôn Kon Hring, xã T (xã E, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Buôn K, xã T (xã E, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

CCCD số: 066090023185 do Cục C về trật tự xã hội cấp 08/7/2021;

Địa chỉ: Buôn K, xã T (xã E, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị P trình bày:* Chị P và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ không tôn trọng gia đình vợ nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng vun đắp, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm là vào khoảng tháng 10/2025 nên chị P về nhà mẹ đẻ ở Buôn K sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: có 03 con chung là cháu Y P1, sinh ngày 03/7/2015; cháu A Đ1, sinh ngày 19/6/2017 và cháu A Đ2, sinh ngày 02/01/2025. Sau khi sống ly thân thì cháu A Đ2 đang sinh sống cùng chị P, còn cháu Y P1, cháu A Đ1 sinh sống cùng với anh Đ. Vì vậy, sau khi ly hôn thì nguyện vọng của chị P là nuôi dưỡng cháu A Đ2 và giao 02 con chung cháu Y P2, A Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết bị đơn anh Đ trình bày:* Anh Đ và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng vun đắp, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ tháng 10/2025, chị P đã về nhà mẹ đẻ ở Buôn K sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, anh Đ là người theo đạo Công giáo thì không được phép ly hôn nên việc Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị P theo quy định của pháp luật thì anh Đ đồng ý.

- Về con chung: có 03 con chung là cháu Y P1, sinh ngày 03/7/2015; cháu A Đ1, sinh ngày 19/6/2017 và cháu A Đ2, sinh ngày 02/01/2025. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Đ có nguyện vọng được nuôi 02 cháu Y P1, A Đ1 và giao cháu A Đ2 cho chị P nuôi dưỡng nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bởi vì, sau khi sống ly thân thì cháu A Đ2 đang sinh sống cùng chị P, còn cháu Y P1, cháu A Đ1 sinh sống cùng với anh Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Cho chị P được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giao con chung cháu Y P1, sinh ngày 03/7/2015; cháu A Đ1, sinh ngày 19/6/2017 cho anh Đ và giao cháu A Đ2, sinh ngày 02/01/2025 cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đ có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù nguyên đơn chị P, bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk). Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh Đ đều thừa nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Đến khoảng tháng 10/2025, chị P về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh Đ cho rằng do yếu tố tôn giáo nên không được ly hôn, nhưng vẫn đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh Đ có 03 con chung là cháu Y P1, sinh ngày 03/7/2015, cháu A Đ1, sinh ngày 19/6/2017 và cháu A Đ2, sinh ngày 02/01/2025. Sau khi ly thân, cháu A Đ2 đang sinh sống cùng chị P; cháu Y P1 và cháu A Đ1 đang sinh sống ổn định cùng anh Đ. Các đương sự đều thống nhất: giao cháu A Đ2 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Y P1 và cháu A Đ1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Mặc khác, cháu Y P1 và cháu A Đ1 cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ. Xét thấy,

sự thỏa thuận này phù hợp với điều kiện thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị P là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, cần miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị P.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh Đ (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2014 do UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/01/2014).

2. Về con chung:

Giao cháu Y P1, sinh ngày 03/7/2015 và cháu A Đ1, sinh ngày 19/6/2017 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Giao cháu A Đ2, sinh ngày 02/01/2025 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị P, anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị P.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam